

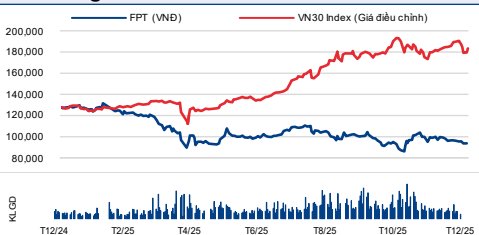
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ123,100
Tiềm năng tăng/giảm: 29.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (16/12/2025)	94,900
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	86,104-131,668
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	94,133
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	161,665
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,137
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,704
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	835
Slg CP NN được mua (tr.đv)	187
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	38.1%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	62,849	69,408	78,133
EBITDA đc (tỷ đồng)	13,044	14,381	16,274
LNTT (tỷ đồng)	11,070	13,038	14,839
LNT ĐC (tỷ đồng)	7,849	9,253	10,509
FCF (tỷ đồng)	8,428	6,088	7,787
EPS ĐC (đồng)	4,296	5,002	5,681
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000
BVPS (đồng)	20,253	21,841	25,522
T.trưởng EBITDA (%)	21.5	10.3	13.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.47	1.74	13.6
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.8	20.7	20.8
Tỷ suất LNTT (%)	17.6	18.8	19.0
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.5	13.3	13.5
Tỷ lệ LN trả CT (%)	40.7	40.0	35.2
Nợ thuần/VCSH (%)	20.8	21.6	22.1
ROAE (%)	28.7	27.6	26.1
ROACE (%)	31.0	27.0	25.6
EV/doanh thu (lần)	2.31	2.43	2.18
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.1	11.8	10.5
P/E ĐC (lần)	22.1	19.0	16.7
P/B (lần)	4.69	4.35	3.72
Lợi suất cổ tức (%)	2.11	2.11	2.11

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Mai Đoàn Ngọc Hân

Chuyên viên cao cấp, Ngành Công
han.mdn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299

Tháng 11/2025: Doanh thu thuần tăng mạnh hơn nhờ mảng Công nghệ

- FPT công bố KQKD tháng 11/2025 vững chắc, với doanh thu thuần đạt 6,3 nghìn tỷ đồng (tăng 12,4% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 881 tỷ đồng (tăng 19,7% so với cùng kỳ). Lũy kế 11 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 62,2 nghìn tỷ đồng (tăng 10,3% so với cùng kỳ) và 8,7 nghìn tỷ đồng (tăng 19,2% so với cùng kỳ), hoàn thành 90% và 94% dự báo cho cả năm 2025 của HSC.
- Doanh thu thuần tháng 11/2025 đánh dấu mức tăng so với cùng kỳ cao nhất kể từ tháng 3/2025 nhờ đóng góp từ các mảng Công nghệ và Giáo dục/Đầu tư. Đáng chú ý trong mảng Công nghệ, doanh thu tại các thị trường ngoài Nhật Bản (thuộc phân khúc Dịch vụ CNTT nước ngoài) bắt đầu tăng (so với cùng kỳ) trở lại, trong khi doanh thu trong nước cũng ghi nhận đà tăng trưởng tích cực hơn.
- Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào, với giá mục tiêu 123.100đ, tiềm năng tăng giá 30%.

Sự kiện: Công bố KQKD tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2025

FPT đã công bố KQKD tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2025. KQKD tháng 11/2025 nhìn chung sát với dự báo của HSC, cho thấy tốc độ tăng trưởng của doanh thu thuần cải thiện lên 12,4%, mức tăng so với cùng kỳ cao nhất kể từ tháng 3/2025, và tăng trưởng lợi nhuận thuần vẫn vững chắc ở mức 19,7% so với cùng kỳ. KQKD trong 11 tháng đầu năm 2025 đã hoàn thành 90% dự báo doanh thu thuần và 94% dự báo lợi nhuận thuần cho năm 2025 của chúng tôi.

Đà tăng trưởng doanh thu cải thiện, nhờ mảng Công nghệ và 'Các mảng khác'

HSC lưu ý rằng doanh thu thuần tháng 11 của FPT đạt mức tăng so với cùng kỳ cao nhất kể từ tháng 3/2025. Kết quả trên có được là nhờ mảng Công nghệ (tăng 12,8% so với cùng kỳ lên 4,1 nghìn tỷ đồng) và mảng Giáo dục/Đầu tư (tăng 19,2% so với cùng kỳ lên 539 tỷ đồng). Theo đó, đà tăng trưởng doanh thu 11 tháng đầu năm 2025 cải thiện lên 10,3% so với cùng kỳ, đạt 62,2 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 90% dự báo cho cả năm của chúng tôi ở mức 69,4 nghìn tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 17/12.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD tháng 11/2025 & 11 tháng đầu năm 2025, FPT

KQKD vững chắc và phù hợp với sự cải thiện của tăng trưởng doanh thu thuần trong tháng 11/2025

Tỷ đồng	T11/25	So với cùng kỳ	So với tháng trước	11T25	So với cùng kỳ	2025F	% 2025 HSCF
Doanh thu	6,303	12.4%	4.9%	62,200	10.3%	69,408	89.6%
CNTT	4,071	12.8%	5.9%	38,866	11.1%	43,626	89.1%
Nước ngoài	3,061	11.1%	1.1%	31,662	12.0%	34,955	90.6%
Trong nước	1,010	18.1%	23.3%	7,204	7.5%	8,671	83.1%
Viễn thông	1,694	9.5%	3.2%	17,622	10.8%	19,843	88.8%
Khác	539	19.2%	3.3%	5,712	3.2%	5,940	96.2%
LNTT	1,196	18.1%	-5.5%	12,001	17.2%	13,038	92.0%
CNTT	569	14.7%	9.0%	5,424	11.4%	6,019	90.1%
Nước ngoài	499	11.9%	3.3%	5,055	11.1%	5,523	91.5%
Trong nước	70	40.0%	79.5%	369	15.3%	496	74.4%
Viễn thông	364	21.3%	-1.9%	3,963	20.9%	4,310	91.9%
Khác	263	20.6%	-29.3%	2,614	25.1%	2,708	96.5%
Lợi nhuận thuần	881	19.7%	-7.7%	8,703	19.2%	9,262	94.0%

Nguồn: FPT, HSC

Ở mảng **Công nghệ**, đà tăng trưởng được hỗ trợ tích cực bởi hai yếu tố. Thứ nhất, thị trường ngoài Nhật Bản đã phục hồi tích cực, tăng 6,3% so với cùng kỳ và tăng 5,2% so với tháng trước (phục hồi đáng kể từ mức giảm 3,6% so với cùng kỳ trong tháng 10 năm 2025). Thứ hai, doanh thu trong nước bắt đầu tăng tốc, đạt mức tăng trưởng tích cực 18,1% so với cùng kỳ và 23,3% so với tháng trước, sát với kỳ vọng của chúng tôi liên quan đến chính sách thúc đẩy hoạt động Chuyển đổi số trên toàn quốc của Chính phủ.

Doanh thu kỳ kết tháng 11/2025 giảm mạnh 32% so với cùng kỳ và giảm 57% so với tháng trước, chỉ còn 1.736 tỷ đồng, sau giai đoạn tăng mạnh từ tháng 7 đến tháng 10/2025. Chúng tôi cho rằng mức giảm nhẹ này chỉ mang tính tạm thời, chủ yếu là do thời điểm ghi nhận doanh thu và dự báo rằng đà tăng trưởng doanh thu kỳ kết sẽ hồi phục trong tháng 12.

Đối với mảng **Viễn thông**, doanh thu tháng 11 tăng khiêm tốn 9,5% so với cùng kỳ lên 1,7 nghìn tỷ đồng, được thúc đẩy bởi phân khúc Băng thông rộng và Truyền hình trả tiền. Trong khi đó, doanh thu **Các mảng khác (Giáo dục và Đầu tư)** tăng mạnh 19,2% so với cùng kỳ lên 539 tỷ đồng.

Lợi nhuận thuần vẫn vững chắc, tăng 19,7% so với cùng kỳ

LNTT/lợi nhuận thuần tháng 11/2025 của FPT tăng lần lượt 18,1% so với cùng kỳ lên 1,2 nghìn tỷ đồng và 19,7% so với cùng kỳ lên 881 tỷ đồng. Theo đó, LNTT/lợi nhuận thuần 11 tháng đầu năm 2025 đạt 12 nghìn tỷ đồng, tăng 17,2% so với cùng kỳ và 8,7 nghìn tỷ đồng, tăng 19,2% so với cùng kỳ. Với kết quả này, FPT đã hoàn thành lần lượt 92%/94% dự báo LNTT và lợi nhuận thuần cho cả năm 2025 của chúng tôi, nhìn chung sát với dự báo.

Theo đó, tỷ suất LNTT tháng 11/2025 cải thiện lên 19% từ mức 18,1% trong tháng 11/2024, nhờ vào sự cải thiện ở tất cả các mảng kinh doanh. Xét theo mảng kinh doanh, đà tăng trưởng LNTT của mảng Công nghệ cải thiện mạnh lên 14% (13,7% trong tháng 11/2024), nhờ tỷ suất lợi nhuận của phân khúc Dịch vụ CNTT nước ngoài 16,3% (tháng 11/2024: 16,2%) và tỷ suất lợi nhuận của phân khúc Dịch vụ CNTT trong nước 6,9% (tháng 11/2024: 5,8%) (Bảng 3). Tỷ suất LNTT của mảng Viễn thông trong tháng 11/2025 đạt 21,5% (từ 19,4% trong tháng 11/2024), nhờ doanh thu bình quân trên người dùng cải thiện và việc tăng cường cắt giảm chi phí. Tỷ suất LNTT của các mảng khác trong tháng 11/2025 đạt 48,8% (so với 48,2% trong tháng 11/2024).

Mặc dù tỷ suất LNTT của mảng Viễn thông và các mảng khác có thấp hơn một chút so với tháng trước, nhưng sự cải thiện của tỷ suất lợi nhuận mảng Công nghệ cải thiện đáng kể. Mặc dù đồng Yên suy yếu trong thời gian gần đây, sự cải thiện đáng kể của tỷ suất lợi nhuận mảng Công nghệ cho thấy hiệu quả HĐKD cốt lõi của FPT đã cải thiện, ở cả thị trường trong nước và nước ngoài.

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận

Do KQKD tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2025 phần lớn sát với dự báo, HSC giữ nguyên dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận thuần cho cả năm 2025 lần lượt ở mức 69,4 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 10,4%) và 9,3 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 17,9%).

FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 16.8 lần, tương đối rẻ so với bình quân 3 năm ở mức 19,1 lần. So với các công ty cùng ngành, cổ phiếu đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2026 rẻ hơn 25%. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào đối với FPT với giá mục tiêu không đổi là 123.100đ (tiềm năng tăng giá 30%).

Bảng 2: KQKD so với cùng kỳ, FPT

Doanh thu thuần tháng 11/2025 đã cải thiện so với cùng kỳ, dẫn dắt bởi mảng Công nghệ thông tin & các Mảng khác

	2T25	T3/25	T4/25	T5/25	T6/25	T7/25	T8/25	T9/25	T10/25	T11/25
Doanh thu	16.4%	9.6%	12.3%	11.6%	3.8%	10.3%	5.6%	8.8%	8.2%	12.4%
CNTT	19.1%	9.3%	14.2%	11.1%	-0.3%	11.6%	5.7%	11.3%	13.2%	12.8%
Nước ngoài	20.9%	10.5%	14.9%	8.5%	12.7%	9.2%	6.0%	14.7%	6.3%	11.1%
Trong nước	9.9%	4.2%	11.5%	23.9%	-34.2%	25.7%	4.4%	-2.3%	49.2%	18.1%
Viễn thông	15.3%	12.1%	13.9%	12.6%	12.1%	9.9%	8.3%	6.6%	5.7%	9.5%
Giáo dục & Đầu tư	6.7%	4.8%	-1.8%	12.6%	9.2%	1.1%	-2.3%	0.2%	-13.7%	19.2%
Lợi nhuận thuần	21.2%	20.4%	10.0%	19.9%	32.1%	16.6%	9.7%	22.9%	18.8%	19.7%

Nguồn: FPT, HSC

Bảng 3: Cơ cấu tỷ suất lợi nhuận theo mảng kinh doanh, FPT

Tỷ suất lợi nhuận tháng 11 giảm so với tháng trước do tỷ suất các Mảng khác giảm

	Q1/25	Q2/25	Q3/25	T10/25	T11/25
Tỷ suất LNTT	18.8%	18.9%	19.6%	21.0%	19.0%
CNTT	14.5%	13.7%	13.9%	13.6%	14.0%
Nước ngoài	17.0%	15.2%	15.6%	16.0%	16.3%
Trong nước	1.6%	6.9%	5.5%	4.8%	6.9%
Viễn thông	21.1%	23.6%	23.0%	22.6%	21.5%
Khác	37.6%	39.8%	51.1%	71.3%	48.8%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	13.5%	13.6%	14.2%	15.9%	14.0%

Nguồn: FPT, HSC

Bảng 4: Doanh thu kỳ kết mới, FPT

Doanh thu kỳ mới giảm nhẹ trong tháng 11 nhưng được kỳ vọng sẽ cải thiện trong tháng 12

Tỷ đồng	Q1/25	Q2/25	Q3/25	T10/25	T11/25	11T25
Số lượng đơn hàng mới	11,505	8,404	9,454	4,022	1,736	35,121
So với cùng kỳ	17%	-8%	42%	122%	-32%	17%
So với quý trước (so với tháng trước đối với T10/11)	57%	-27%	12%	19%	-57%	

Nguồn: FPT, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	52,618	62,849	69,408	78,133	89,534
Lợi nhuận gộp	20,320	23,698	26,791	29,662	33,629
Chi phí BH&QL	(11,868)	(13,190)	(15,334)	(16,662)	(18,896)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	8,452	10,508	11,457	13,000	14,733
Lãi vay thuần	618	124	944	1,082	1,483
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	42.3	393	587	702	874
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	91.3	44.6	49.2	55.4	63.5
LN TT	9,203	11,070	13,038	14,839	17,154
Chi phí thuế TNDN	(1,415)	(1,642)	(1,949)	(2,264)	(2,638)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,323)	(1,571)	(1,826)	(2,056)	(2,260)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,465	7,857	9,262	10,519	12,255
Lợi nhuận thuần ĐC	6,449	7,849	9,253	10,509	12,244
EBITDA ĐC	10,738	13,044	14,381	16,274	18,697
EPS (đồng)	4,661	4,917	5,002	5,681	6,619
EPS ĐC (đồng)	3,523	4,296	5,002	5,681	6,619
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,000	2,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,267	1,471	1,704	1,704	1,704
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,270	1,471	1,704	1,704	1,704
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,270	1,471	1,704	1,704	1,704

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	8,279	9,315	12,727	10,910	10,316
Đầu tư ngắn hạn	16,104	21,785	28,321	36,817	47,862
Phải thu khách hàng	9,674	11,382	13,040	15,128	17,336
Hàng tồn kho	1,593	1,857	2,082	2,344	2,686
Các tài sản ngắn hạn khác	1,055	1,197	1,542	1,736	1,990
Tổng tài sản ngắn hạn	36,706	45,536	57,712	66,935	80,189
TSCĐ hữu hình	13,697	15,334	16,790	16,861	16,618
TSCĐ vô hình	1,257	2,040	2,009	1,928	1,782
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,227	1,037	1,179	1,308	1,443
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,108	2,281	2,395	2,515	2,641
Tài sản dài hạn khác	5,288	5,772	6,056	6,400	6,967
Tổng tài sản dài hạn	23,577	26,464	28,430	29,012	29,451
Tổng cộng tài sản	60,283	72,000	86,142	95,947	109,640
Nợ ngắn hạn	13,838	14,446	17,352	18,752	20,593
Phải trả người bán	2,603	4,424	3,470	3,907	4,477
Nợ ngắn hạn khác	11,176	13,105	14,289	16,085	18,432
Tổng nợ ngắn hạn	29,652	34,836	38,339	42,377	47,665
Nợ dài hạn	208	501	2,700	1,000	1,000
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	246	357	428	514	617
Nợ dài hạn khác	175	315	348	391	448
Tổng nợ dài hạn	629	1,173	3,476	1,905	2,065
Tổng nợ phải trả	30,350	36,272	41,815	44,282	49,731
Vốn chủ sở hữu	24,974	29,794	37,207	43,477	50,493
Lợi ích cổ đông thiểu số	4,959	5,933	7,120	8,188	9,416
Tổng vốn chủ sở hữu	29,933	35,728	44,326	51,665	59,909
Tổng nợ phải trả và VCSH	60,283	72,000	86,142	95,947	109,640
BVPS (đ)	19,665	20,253	21,841	25,522	29,640
Nợ thuần/(tiền mặt)	5,767	5,632	7,325	8,842	11,277

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	8,452	10,508	11,457	13,000	14,733
Khấu hao	(2,287)	(2,535)	(2,924)	(3,274)	(3,964)
Lãi vay thuần	618	124	944	1,082	1,483
Thuế TNDN đã nộp	(1,415)	(1,642)	(1,949)	(2,264)	(2,638)
Thay đổi vốn lưu động	678	303	(3,632)	(1,623)	(1,599)
Khác	(1,102)	(125)	1,090	(1,936)	(2,036)
LCT thuần từ HKKD	9,517	11,704	10,833	11,533	13,907
Đầu tư TS dài hạn	(3,978)	(3,275)	(4,745)	(3,747)	(4,162)
Góp vốn & đầu tư	(35,290)	(43,063)	(6,650)	(8,616)	(11,171)
Thanh lý	30,582	36,346	0	0	0
Khác	2,137	1,530	2,275	2,720	3,250
LCT thuần từ HĐĐT	(6,548)	(8,462)	(9,120)	(9,643)	(12,083)
Cổ tức trả cho CSH	(2,931)	(3,292)	(3,407)	(3,407)	(4,259)
Thu từ phát hành CP	73.1	163	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,719	933	5,105	(300)	1,841
Khác	(30.2)	(2.31)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,168)	(2,198)	1,698	(3,707)	(2,418)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	6,440	8,279	9,315	12,727	10,910
LCT thuần trong kỳ	1,800	1,044	3,411	(1,817)	(594)
Ảnh hưởng của tỷ giá	38.6	(7.92)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,279	9,315	12,727	10,910	10,316
Dòng tiền tự do	5,539	8,428	6,088	7,787	9,745

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	38.6	37.7	38.6	38.0	37.6
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.4	20.8	20.7	20.8	20.9
Tỷ suất LNT (%)	12.3	12.5	13.3	13.5	13.7
Thuế TNDN hiện hành (%)	15.4	14.8	15.0	15.3	15.4
Tăng trưởng doanh thu (%)	19.6	19.4	10.4	12.6	14.6
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	24.5	21.5	10.3	13.2	14.9
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.7	21.7	17.9	13.6	16.5
Tăng trưởng EPS (%)	5.24	5.47	1.74	13.6	16.5
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.2	21.9	16.4	13.6	16.5
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	0	25.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	42.9	40.7	40.0	35.2	37.8
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.1	28.7	27.6	26.1	26.1
ROACE (%)	29.3	31.0	27.0	25.6	25.5
Vòng quay tài sản (lần)	0.94	0.95	0.88	0.86	0.87
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.13	1.11	0.95	0.89	0.94
Số ngày tồn kho	18.0	17.3	17.8	17.7	17.5
Số ngày phải thu	109	106	112	114	113
Số ngày phải trả	29.4	41.2	29.7	29.4	29.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	25.5	20.8	21.6	22.1	24.1
Nợ/tài sản (%)	24.3	21.5	24.1	21.4	20.5
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.36	1.19	1.44	1.26	1.20
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.24	1.31	1.51	1.58	1.68
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.40	2.31	2.43	2.18	1.93
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.8	11.1	11.8	10.5	9.25
P/E (lần)	20.4	19.3	19.0	16.7	14.3
P/E ĐC (lần)	26.9	22.1	19.0	16.7	14.3
P/B (lần)	4.83	4.69	4.35	3.72	3.20
Lợi suất cổ tức (%)	2.11	2.11	2.11	2.11	2.63

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn